

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TUẦN NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2023/DS-PT**

Ngày 05/6/2023

V/v “*Tranh chấp thoả thuận
sử dụng thẻ tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Trần Thị Thanh Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***
Bà Lương Thị Chung- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLPT-DS ngày 17/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng về sử dụng thẻ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2023/QĐ-PT ngày 18/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐ-PT ngày 09/5/2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn: Ngân hàng V;*** Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2 tòa nhà S, số 1xx đường P, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Tầng 6x tòa nhà P, số 2x đường U, phường 2x, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng: ông Lê Huy T, cán bộ V tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 061078.23 ngày 23/5/2023 của ông Nguyễn Khánh H, Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng Đông HCM và Trung Bộ - Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 1- Khối Ngân hàng bán lẻ V và Giấy ủy quyền số 050876.23 ngày 10/5/2023 của Tổng giám đốc. Ông T có mặt.

2. ***Bị đơn: Bà Ngô Thị Quỳnh G.*** Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Lô số 4x- khu B, tổ 3x phường H, quận N, TP. Đà Nẵng (Vắng mặt).

3. ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn - Ngân hàng V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Ngày 24/12/2020, bà Ngô Thị Quỳnh G ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng V về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Ngô Thị Quỳnh G, chi tiết thẻ như sau: Thẻ tín dụng số: 5138920000571xxx; loại thẻ: thẻ tín dụng quốc tế V; ngày cấp: 24/12/2020; hạn mức: 42.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bà Ngô Thị Quỳnh G đã vi phạm nội dung tại Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/12/2020. Vì vậy, Ngân hàng V chuyển dư nợ thẻ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 06/6/2021. Mặc dù Ngân hàng V đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng bà G không thực hiện việc trả nợ. Hiện các khoản vay của bà G đã chuyển sang nợ xấu.

Vì vậy, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Quỳnh G phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền phải trả tính đến ngày 10/02/2023 là 105.173.026 đồng, bao gồm nợ gốc 50.025.783 đồng, nợ lãi 19.434.835 đồng, nợ phí 35.712.408 đồng và bà G còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí cho đến khi bà G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký.

Trước đây, do bị nhầm lẫn nên tại đơn khởi kiện Ngân hàng V yêu cầu bà G thanh toán số tiền tổng cộng là 72.427.433 đồng, trong đó: nợ gốc 27.877.948 đồng là không đúng dẫn đến số nợ lãi là 13.082.129 đồng, nợ phí là 31.467.355 đồng cũng không chính xác nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà G phải trả tổng cộng 105.173.026 đồng, bao gồm nợ gốc 50.025.783 đồng, nợ lãi 19.434.835 đồng, nợ phí 35.712.408 đồng và còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí cho đến khi bà G thanh toán xong.

* Bị đơn bà Ngô Thị Quỳnh G đã được tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nhưng bà G đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử:

Buộc bà Ngô Thị Quỳnh G phải trả cho Ngân V số tiền tính đến ngày 14/7/2022 là 72.427.433 đồng (trong đó nợ gốc là 27.877.948 đồng, nợ lãi là 13.082.129 đồng, nợ phí là 31.467.355 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 15/7/2022) bà Ngô Thị Quỳnh G còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí cho đến khi bà G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với số tiền 22.147.835 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 3.621.371 đồng, bà Ngô Thị Quỳnh G phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận Ngân hàng V phải chịu 1.107.391 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 877.000 đồng theo biên lai thu số 0001099 ngày 07/12/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Ngân hàng V còn phải nộp 220.391 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/02/2023, Tòa án nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng V đề ngày 14/02/2023 với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần nợ gốc không được Tòa án chấp nhận là 22.147.835 đồng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng V giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thêm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần nợ gốc 50.025.783đ, nợ lãi 19.434.835đ, sửa phần nợ phí 2.747.773đ; án phí các bên chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bà Ngô Thị Quỳnh G đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là bà G vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến thủ tục cấp tổng đạt cho bà G đã hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng V nhận thấy:

[2.1] Ngày 24/12/2020, giữa Ngân hàng V và bà Ngô Thị Quỳnh G có ký kết Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến ngày 04/5/2021 và từ đó đến nay bà G không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng V. Như vậy, bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng V trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2021, Ngân hàng V yêu cầu bà G thanh toán 27.877.948 đồng tiền gốc, số tiền này là do Ngân hàng ghi nhầm lẫn vì tại các bản sao kê chi tiết giao dịch, tài khoản thẻ tín dụng của bà G đều thể hiện số tiền nợ gốc bà G còn nợ là 50.025.783 đồng. Vì vậy, Ngân hàng V đề nghị Tòa án buộc bà G phải thanh toán nợ gốc là 50.025.783 đồng. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Ngân hàng V đã bổ sung yêu cầu buộc bà G phải thanh toán nợ gốc 50.025.783 đồng, mặc dù yêu cầu này vượt quá so với đơn khởi kiện ban đầu là 22.147.835 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu bổ sung số tiền nợ gốc của Ngân hàng là trong cùng một quan hệ pháp luật tranh chấp và được đưa ra trước thời điểm ban hành quyết định xét xử nên không được xem là vượt quá yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu bổ sung của Ngân hàng đối với số tiền 22.147.835 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nhưng lại tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V đối với số tiền này là không đúng. Bởi, trong trường hợp yêu cầu khởi kiện vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu thì Tòa án cấp sơ thẩm sẽ không xem xét đối với số tiền vượt quá và Ngân hàng V có quyền khởi kiện bà G bằng 01 vụ án khác. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên không chấp nhận số tiền 22.147.835 đồng, điều này làm mất đi quyền khởi kiện của Ngân hàng V, ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Đáng lẽ ra, trong trường hợp này cần phải hủy 01 phần Bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền 22.147.835 đồng. Tuy nhiên, số tiền tranh chấp không lớn, đồng thời tại các bảng kê của Ngân hàng cũng chứng minh được đây là số tiền gốc mà bà G phải có nghĩa vụ trả. Do đó, để giải quyết triệt để vụ án, cần chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V, sửa Bản án sơ thẩm buộc bà G phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 50.025.783 đồng.

[3] Về tính phí thẻ tín dụng: Tại mục 10 của Điều khoản điều kiện sử dụng thẻ và Biểu phí của Ngân hàng V quy định khách hàng phải chịu “*Phí chậm thanh toán*”

là 6%/trên số tiền chậm thanh toán áp dụng đối với toàn bộ dư nợ cuối kỳ và được tính theo từng kỳ thanh toán (Tối thiểu: 200.000 đồng, tối đa 2.000.000 đồng) và “*Phí vượt hạn mức* 4,5%/ trên số tiền vượt hạn mức tại từng kỳ thanh toán (Tối thiểu 50.000 đồng). Theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2019 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phí dịch vụ thẻ: “...Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật...”

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, thực chất các khoản phí này là một hình thức tính lãi, trong đó: khoản phí thanh toán trễ hạn được tính bằng 6%/kỳ thanh toán trên toàn bộ dư nợ, trong khi phần nợ gốc đã được sử dụng để làm căn cứ tính lãi; khoản phí vượt hạn mức được tính 4,5%/kỳ thanh toán đối với toàn bộ số tiền vượt quá trong khi thực tế số tiền vượt hạn mức gồm cả số tiền nợ gốc, tiền lãi, phí cộng dồn. Do đó, việc tính phí như trên không phù hợp với nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn theo Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm b, c khoản 4, Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 13/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Mặt khác, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 06/6/2021) Ngân hàng V đã khóa thẻ và yêu cầu khách hàng phải thanh toán toàn bộ dư nợ đến hạn. Tại Điều 5 Thông tư 19/2016/TT- NHNN ngày 30/6/2019 nêu trên thì Tổ chức tín dụng được thu “*Phí dịch vụ thẻ*” nhưng từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn, khách hàng đã bị khóa thẻ, Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục để thu hồi nợ, như vậy tính chất của “*dịch vụ thẻ*” không còn nên không thể tiếp tục tính các khoản phí như phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức như Ngân hàng V yêu cầu kể từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên buộc bà G phải trả cho Ngân hàng V số tiền phí tính đến ngày 14/7/2022 là 31.367.355 đồng là không đúng. Mặc dù, nguyên đơn không kháng cáo phần này nhưng xét thấy việc tính phí của Ngân hàng có vi phạm các quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan, gây thiệt hại cho bị đơn do đó cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà G phải thanh toán số tiền nợ phí tính đến ngày ghi trong đơn khởi kiện là 2.747.773 đồng là phù hợp. Như vậy, tổng số tiền bà G phải thanh toán cho Ngân hàng V là 72.208.391 đồng, trong đó: nợ gốc 50.025.783 đồng, nợ lãi 19.434.835 đồng và nợ phí 2.747.773 đồng.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được tòa án chấp nhận, số tiền án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng phải chịu là 1.648.231 đồng, án phí dân sự sơ thẩm bà G phải chịu là: 3.610.419 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 15 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V.

II. Sửa Bản án sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn bà Ngô Thị Quỳnh G về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng về sử dụng thẻ”.

1. Buộc bà Ngô Thị Quỳnh G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam tổng số tiền nợ là: 72.208.391 đồng (Bảy mươi hai triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm chín mươi một đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 50.025.783 đồng;
- Nợ lãi: 19.434.835 đồng (tính đến ngày 10/02/2023);
- Nợ phí: 2.747.773 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 11/02/2023, bà Ngô Thị Quỳnh G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 50.025.783 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận ghi trong giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Ngô Thị Quỳnh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.610.419 đồng (Ba triệu, sáu trăm mười ngàn, bốn trăm mười chín đồng).

+ Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.648.231 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 877.000 đồng theo biên lai thu số 0001099 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn TP Đà Nẵng. Ngân hàng V còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là: 771.231 đồng (Bảy trăm bảy mươi một ngàn, hai trăm ba mươi một đồng).

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng V được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009543 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo